

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC Ở CÁC TỈNH MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI

PGS, TS TRƯƠNG MINH DỤC*

Khu vực miền núi phía Tây các tỉnh miền Trung từ Quảng Bình đến Bình Thuận và các tỉnh Tây Nguyên còn gọi là vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, là nơi cư trú của hơn 20 dân tộc thiểu số.

Đây là vùng núi có đường biên giới với các nước Lào và Campuchia dài hơn 1.200 km. Đồng bào các dân tộc tuy số lượng không đông nhưng lại sinh sống trên một địa bàn rộng lớn, có tầm quan trọng về an ninh, quốc phòng.

Thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, trong những năm qua, ngoài những chủ trương, chính sách chung cho vùng miền núi và vùng dân tộc trong cả nước, Đảng và Nhà nước ta đã có những nghị quyết và chủ trương riêng để phát triển KT-XH vùng miền núi Trường Sơn - Tây Nguyên, nhằm khai thác tiềm năng KT-XH vùng này, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần các dân tộc thiểu số, góp phần vào sự phát triển chung của vùng và cả nước.

Do vị trí chiến lược của vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, Đảng và Nhà nước có những chủ trương, chính sách đặc biệt để phát triển KT-XH, bảo đảm an ninh quốc phòng. Đó là Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 18-1-2002 của BCT về phát triển kinh tế và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2010, Quyết định số 168/2001/QĐ-TTg ngày 30-10-2001 của Thủ tướng Chính phủ về xác định hướng dài hạn, kế hoạch 5 năm 2001 - 2005

phát triển KT-XH vùng Tây Nguyên; Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 5 - 3 - 2003 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án: Một số giải pháp củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở ở vùng Tây Nguyên giai đoạn 2002 - 2010; Chỉ thị số 45/2004/CT-TTg ngày 7-12-2004 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện nhiệm vụ, giải pháp để tiếp tục phát triển vùng Tây Nguyên toàn diện, bền vững; Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg ngày 4 - 2 - 2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin Lành.

Căn cứ vào các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các cấp ủy đảng đã ra những nghị quyết chuyên đề về phát triển KT-XH miền núi, dân tộc của địa phương mình. Những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước không chỉ tạo điều kiện để phát triển cộng đồng, mà hướng tới mục tiêu cho con người, vì con người. Điều đó thể hiện tính nhân đạo, nhân văn trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, mà những thành tựu rõ rệt nhất là:

- Kết cấu hạ tầng sản xuất và đời sống đã được đầu tư xây dựng và phát huy tác dụng, nhất là giao thông, thủy lợi, hệ thống cung cấp nước sinh hoạt, trường học, trạm xá trung tâm và cụm xã.

Ở Quảng Nam, đầu tư xây dựng 17 trung tâm cụm xã và 460 công trình thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống.

Ở Bình Định, trong 5 năm 2001-2005 tỉnh đầu tư 500 tỷ để xây dựng kết cấu hạ tầng (trong 10 năm 1991-2000 đầu tư 135 tỷ).

Ở Khánh Hoà, trong 10 năm 1991-2000 đã đầu tư 100 tỷ đồng làm mới và nâng cấp 254,3km đường, xây dựng 29

* Học viện chính trị khu vực III

cầu kiên cố, 8 cầu treo, 1.700 ngầm; 150 km đường liên thôn, liên xã. Những năm 2001-2005 tiếp tục đẩy mạnh đầu tư để phát triển giao thông, thủy lợi. Đến nay, 100% xã có đường nhựa, 100% xã có điện, 85% hộ dùng điện, các công trình thủy lợi vừa và nhỏ được xây dựng.

Tỉnh Quảng Bình, từ 1990 đến 2001 đã đầu tư hơn 236 tỷ đồng cho phát triển giao thông nông thôn, gần 115 tỷ đồng cho thủy lợi. Nhờ đó, đến nay, 57 xã (trên tổng số 60 xã miền núi) có đường ô tô về đến trung tâm; 43 xã có điện (chiếm 71,6%), có 32.492 hộ sử dụng điện (chiếm 67,1%)

Ở các tỉnh Tây Nguyên, trong giai đoạn 2001 -2005, Nhà nước đã đầu tư hàng năm bình quân 6.200 tỷ đồng/năm (năm 2001: 5.106 tỷ, năm 2002: 5.832 tỷ, năm 2003: 6.513 tỷ, năm 2004: 8.488 tỷ, năm 2005: ước khoảng: 10.500 tỷ). Vì vậy, năng lực tưới tiêu của hệ thống thủy lợi hiện nay đạt 46% nhu cầu, xây dựng hàng trăm tuyến đường liên huyện và liên xã với tổng chiều dài 13.000 km, trong đó, 49% nhựa hoá và cứng hoá, 99,2% số xã có đường ô tô đến trung tâm; 98% số xã có điện lưới quốc gia, 70% số hộ được dùng điện; 100% các xã, phường, thị trấn có trạm y tế, có 751 cơ sở y tế (trạm xá, phòng khám khu vực, khu điều trị, trung tâm điều trị bệnh viện đa khoa, chuyên khoa với khoảng 6.600 giường, 9.200 cán bộ ngành y tế. Toàn vùng có 2.331 trường học với 37.296 phòng học thuộc hệ thống bậc học phổ thông; 100% số xã phủ sóng phát thanh, nối mạng thông tin viễn thông; 83% số xã có bưu điện văn hoá xã¹.

- Sản xuất nông, lâm nghiệp đã có bước chuyển biến theo hướng sản xuất hàng hoá bằng các biện pháp thâm canh, đa dạng hoá sản phẩm cây trồng và vật nuôi trên cơ sở khai thác tiềm năng thế mạnh của từng vùng sinh thái.

Cơ cấu cây trồng chuyển dịch từ tự cung, tự cấp sang kinh tế hàng hoá. Cây công nghiệp, phát triển, hình thành những vùng chuyên canh với quy mô lớn như vùng cao su ở Quảng Bình; cà phê, cao su ở Quảng Trị; quế ở Trà My, Trà Bồng (Quảng Nam, Quảng Ngãi); cà phê, cao su, tiêu ở Tây Nguyên. Đã hình thành và phát triển mạnh mẽ mô hình kinh tế trang trại, chủ yếu là cà phê, cao su.

Chăn nuôi phát triển. Đàn bò tăng cả về số lượng và chất lượng. Phong trào nuôi bò lai sind, lợn hướng nạc phát triển mạnh. Phong trào nuôi cá nước ngọt khá phát triển, thu

hút lao động nông nhân, góp phần cải thiện đời sống và tăng thu nhập cho người dân.

Sản xuất lâm nghiệp phát triển theo hướng xã hội hoá. Ở Tây Nguyên đã giao khoán bảo vệ 3 triệu ha rừng hiện có. Ngoài ra trồng mới hàng năm 11 - 12 ngàn ha rừng².

Nghề tiểu thủ công nghiệp được khuyến khích phát triển. Các nghề thủ công truyền thống như dệt, đan lát, thêu ren được các gia đình duy trì và phát triển. Bên cạnh đó những nghề thủ công mới như chế biến nông lâm sản, rèn, làm gạch ngói... xuất hiện ở hầu khắp các buôn làng.

- Về xã hội. Phong trào định canh định cư, xây dựng trung tâm cụm xã, phát triển KT-XH các xã đặc biệt khó khăn ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, hỗ trợ đồng bào các dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn và trợ cước, trợ giá đã góp phần tích cực cho đồng bào các dân tộc thiểu số ổn định định canh, định cư.

Trong 5 năm (2001-2004), ở Tây Nguyên, ngân sách Nhà nước đã đầu tư 145 tỷ đồng để thực hiện dự án định canh định cư, tổ chức lại sản xuất và đời sống cho đồng bào các dân tộc thiểu số. Đến cuối năm 2004, toàn vùng đã có 160.440 hộ cơ bản hoàn thành định canh định cư, chiếm 82,7% hộ đồng bào thiểu số tại chỗ, trong đó, tỉnh Lâm Đồng đã cơ bản hoàn thành định canh định cư, tỉnh Kon Tum đạt 83%, tỉnh Gia Lai đạt 85%, tỉnh Đắk Lắk đạt 86%.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc cấp đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ thiếu đất và thiếu nhà ở theo Quyết định 132/QĐ - TTg, trong 3 năm 2003-2005, các cấp uỷ đảng và chính quyền địa phương đã cấp 19.615 ha cho 43.890 hộ. Việc giải quyết đất đai đã góp phần ổn định sản xuất, cải thiện đời sống đồng bào dân tộc thiểu số và tạo sự ổn định xã hội.

- Về xoá đói giảm nghèo. Thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo của Đảng và Nhà nước, trong 5 năm (2000-2004), toàn vùng đã xoá 29.589 hộ dân tộc thiểu số đói nghèo. Tỷ lệ đói nghèo toàn vùng giảm khá nhanh hàng năm: năm 2001 là 24,9%, năm 2002 còn 21,6%, năm 2003: 17,4%, năm 2004 giảm xuống còn 12,29% (tính theo tiêu chí cũ)³.

- Sự nghiệp giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khoẻ nhân dân có bước phát triển và đạt được những kết quả đáng kể.

Về giáo dục - đào tạo. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo có bước phát triển sâu rộng, mạng lưới giáo dục phát triển tới các buôn làng, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho giảng dạy, học tập, đội ngũ giáo viên được tăng cường. Số học sinh đến lớp ngày càng nhiều hơn; 100% số xã miền núi có trường tiểu học, các xã có trường trung học cơ sở, các huyện có trường trung học phổ thông, trường trung học dân tộc nội trú...

Về y tế. Mạng lưới y tế đã hình thành từ trung tâm huyện đến toàn bộ các xã, các xã có trạm y tế, cơ sở vật chất khám chữa bệnh, phòng khám bệnh, buồng sinh, phòng làm việc được xây dựng khang trang. Đội ngũ cán bộ y tế được chú ý đào tạo. Các chương trình quốc gia về phòng chống sốt rét, tiêm chủng mở rộng, uống vitamin ở trẻ em, kế hoạch hoá gia đình được triển khai rộng khắp và đạt kết quả tốt. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm. Sốt rét vẫn là căn bệnh kinh niên ở vùng miền núi dân tộc thiểu số giảm hẳn. Bệnh lao và các bệnh xã hội khác được ngăn chặn đáng kể. Chương trình nước sạch phát triển đến các buôn làng, đến các hộ bằng các công trình giếng đào, dẫn nước từ suối, giếng khoan, xây bể lọc... bảo đảm cho nhân dân được dùng nước sạch.

- Đời sống văn hoá tinh thần được nâng lên một bước.

Về văn hoá thông tin. Thực hiện phủ sóng phát thanh truyền hình cho 100% số huyện. Đồng bào dân tộc miền núi có thể trực tiếp xem chương trình truyền hình của Trung ương và tỉnh. Một số huyện có chương trình phát sóng riêng. Các hoạt động văn hoá như chiếu phim, văn nghệ, thông tin cổ động... được duy trì đều đặn và có tác dụng làm phong phú thêm đời sống văn hoá tinh thần cho đồng bào các dân tộc thiểu số. Sách báo, đặc biệt là báo *Nhân Dân*, báo địa phương và các ấn phẩm về dân tộc và miền núi, các ấn phẩm về kế hoạch hoá gia đình được cung cấp đều đặn cho đồng bào các dân tộc thiểu số, được tăng cường cả về số lượng và chất lượng.

Việc nghiên cứu, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số được thực hiện gắn với cuộc vận động xây dựng đời sống văn hoá mới... Các giá trị văn hoá tinh thần của các dân tộc được chú ý bảo vệ và phát huy. Nhà rông, nhà gưon, nhà

dài văn hoá cộng đồng được đầu tư khôi phục. Công tác sưu tầm vốn văn hoá dân gian được đẩy mạnh. Đến nay, ở Đắk Lắk đã phát hiện một khối lượng sử thi lớn nhất nước ta, bao gồm 30 danh mục sử thi Mông, Êđê. Các bộ sử thi này đã được in thành tập để giữ gìn lâu dài⁴.

Đặc biệt, không gian văn hoá công chiêng đã được UNESCO công nhận là kiệt tác văn hoá phi vật thể của nhân loại. Mặc dù có một thời kỳ thất thoát, nhưng nhờ có biện pháp giữ gìn và phát huy, đến tháng 6 - 2004 tỉnh Đắk Lắk còn 4.675 bộ công chiêng, 11.466 nghệ nhân đánh công chiêng, 100% buôn có đội công chiêng⁵.

- Công tác xây dựng Đảng và chính quyền.

Chú trọng phát triển đảng viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đến nay, các xã đã có chi bộ, đảng bộ, khắc phục tình trạng buôn làng trắng đảng viên.

Bộ máy chính quyền cơ sở được kiện toàn, từng bước đảm nhận nhiệm vụ quản lý KT-XH.

Đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng. Đến nay ở Tây Nguyên có 30 % cán bộ dân tộc thiểu số ở cơ sở; 20% ở cấp huyện và 10% ở cấp tỉnh.

Đội ngũ trí thức được tăng cường. Sau 31 năm giải phóng, đã hình thành đội ngũ trí thức các dân tộc thiểu số, và tăng nhanh về số lượng và chất lượng. Nhiều người đạt đến học vị thạc sĩ, tiến sĩ.

Bên cạnh những thành tựu, KT-XH các dân tộc thiểu số ở miền Trung - Tây Nguyên đang đặt ra nhiều vấn đề bức xúc:

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, kỹ thuật canh tác còn lạc hậu nên sản xuất hàng hoá kém phát triển. Trừ một số vùng thuận lợi ở Tây Nguyên, các vùng núi các tỉnh duyên hải và vùng sâu, vùng xa của Tây Nguyên, kinh tế nương rẫy tự cung tự cấp là chủ yếu, năng suất lao động thấp, sản phẩm hàng hoá còn hạn chế.

- Việc giao đất giao rừng còn chậm; kinh phí giao khoán bảo vệ rừng với giá thấp: 50.000đ/ha/năm, nên chưa khuyến khích nhân dân nhận rừng.

- Chương trình xoá đói giảm nghèo đã đạt được kết quả quan trọng nhưng tỷ lệ đói nghèo trong đồng bào các dân tộc thiểu số vẫn còn cao; tốc độ xoá đói giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số còn chậm, vì vậy chênh lệch mức

sống giữa người Kinh và người dân tộc thiểu số ngày càng lớn. Đến nay, ở Tây Nguyên còn 26,9% số hộ dân tộc thiểu số thuộc diện đói nghèo⁶.

- Lĩnh vực văn hoá, giáo dục vẫn còn nhiều bất cập. Đời sống tinh thần của nhân dân còn thấp. Các tập tục cũ đang có biểu hiện phục hồi. Hệ thống trường nội trú, bán trú được mở rộng nhưng chưa đáp ứng yêu cầu. Tỷ lệ học sinh bỏ học còn cao, cho nên càng lên bậc cao số học sinh dân tộc thiểu số càng giảm.

Việc cử tuyển theo chính sách còn nhiều khó khăn vì không có nguồn. Nhiều địa phương không đạt chỉ tiêu, Gia Lai: 64,6%, Kon Tum: 80%, Đắk Lắk: 83,7%, Lâm Đồng: 69,9%. Một số dân tộc thiểu số như Brâu, Rơ măm chưa có người được đào tạo theo chế độ cử tuyển.

- Đội ngũ cán bộ thiếu về số lượng, năng lực hạn chế đã ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của hệ thống chính trị.

Đây là những nguyên nhân tiềm ẩn đối với sự ổn định xã hội ở khu vực miền núi miền Trung - Tây Nguyên.

Phương hướng phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số cần phải được xác định một cách toàn diện về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, quốc phòng và an ninh, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

Thực hiện phương hướng trên, cần giải quyết tốt các giải pháp sau:

- *Quán triệt đường lối, chính sách dân tộc được Đại hội X thông qua, là bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, cùng nhau tiến bộ, xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trên cơ sở bình đẳng về kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội, từng bước đưa đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển tiến bộ, văn minh.*

- *Thực hiện tốt các chủ trương phát triển kinh tế, đảm bảo sự tham gia quản lý chặt chẽ và hiệu quả của đồng bào các dân tộc thiểu số đối với các dự án, nhất là chương trình xoá đói, giảm nghèo, đặc biệt quan tâm đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cho miền núi, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng và an ninh.*

- *Quan tâm xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, xây dựng các thôn, buôn, sóc văn hoá, các nhà rông văn hoá cộng đồng kiểu mẫu, thu hút các tầng lớp nhân dân tham gia các hoạt động văn hoá ở buôn làng.*

- *Ưu tiên phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao trình độ dân trí, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là giáo viên, y tế (y, bác sĩ), cán bộ kỹ thuật nông, lâm nghiệp.*

Phải tuyên truyền, giáo dục thái độ đối với lao động và trang bị các kiến thức và kỹ năng thực hành cần thiết để phục vụ cho sản xuất và đời sống. Tích cực tuyên truyền, vận động áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, làm kinh tế của đồng bào các dân tộc thiểu số. Hình thành các mô hình đào tạo liên hoàn với các trường trung học cơ sở đến các trường dạy nghề. Xây dựng nhiều mô hình kinh tế vườn đồi, vườn rừng. Thực hiện tốt công tác DS-KHHGD. Chăm lo đào tạo cán bộ y tế huyện, xã (y tá, y sĩ cho buôn làng).

- *Củng cố và tăng cường hệ thống chính trị nhất là hệ thống chính trị ở cơ sở.*

Tăng cường vai trò của thiết chế tự quản thôn, buôn. Đây không chỉ là vấn đề liên quan đến quản lý KT-XH mà còn liên quan đến lĩnh vực an ninh, quốc phòng. Vì vậy, cần ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ của buôn, thôn phù hợp với điều kiện miền núi.

Đẩy mạnh công tác phát triển đảng, xoá bỏ tình trạng "trắng" đảng viên, "trắng" chi bộ ở buôn, làng.

Tích cực xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, huyện, tỉnh, trong đó đội ngũ cán bộ cơ sở phải xây dựng đông về số lượng, đảm bảo chất lượng, có khả năng tổ chức quần chúng, đấu tranh với các thủ đoạn mua chuộc, lôi kéo của kẻ thù, đảm bảo an ninh trật tự ở buôn làng, nhất là vùng sâu, vùng biên giới.

1, 3, 6. Ban chỉ đạo Tây Nguyên: *Tư liệu về tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội và một số vấn đề liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên*, Buôn Mê Thuột, tháng 5-2005, tr.45-46, 50, 50-51

2. *Kinh tế miền Trung, Tây Nguyên, tiềm năng, động lực và triển vọng*. Kỳ yếu hội thảo khoa học, Đà Nẵng, 2005, tr.7

4,5. Trương Minh Đức: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về dân tộc và quan hệ dân tộc ở Tây Nguyên*, CTQG, H, 2005, tr.136, 136.